CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam

Ngày 31/12/2025	3,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q4/25
32.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.5| -35.0%
YoY: ▼496| -93.8%

LN thuần
Q4/25
-38.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼27.7| -264%
YoY: ▼13.2| -52.9%

LN sau thuế
Q4/25
-20.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.1| -97.5%
YoY: ▲ 4.60| 18.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-6.4%
YoY: +/-▼ 5.6%

ROE
2025
-11.7%
YoY: +/-▼ 0.4%

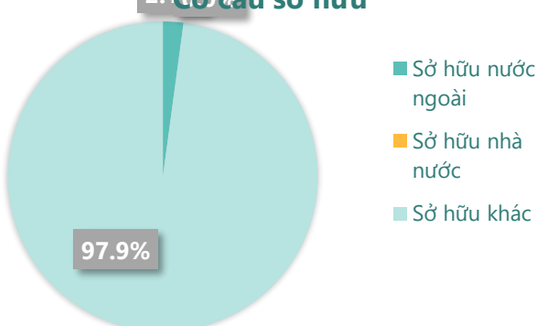
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,700 - 3,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	182
Số lượng CPLH (CP)	49,231,310
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	-
EPS	-1,118
P/E	-3.3

DT thuần
2025
124
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,123| -90.1%

LN thuần
2025
-56.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.20| 6.9%

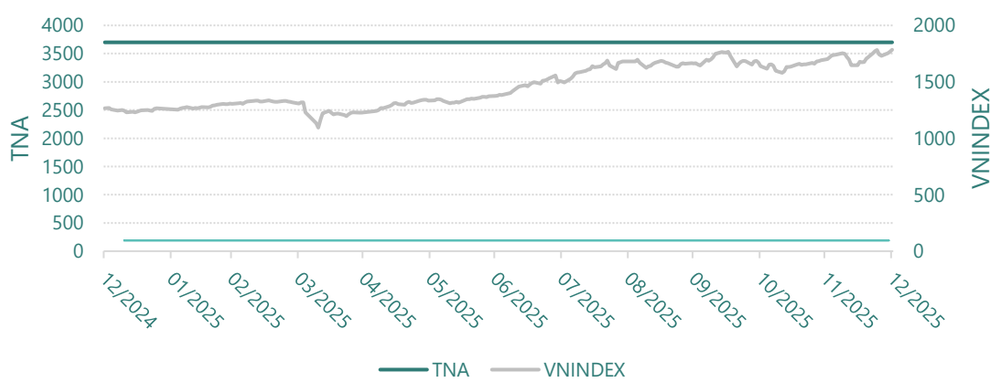
LN sau thuế
2025
-55.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.30| 10.2%

Cơ cấu sở hữu

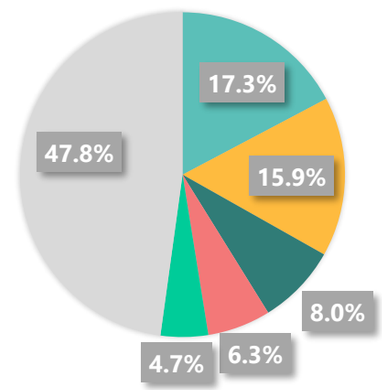


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

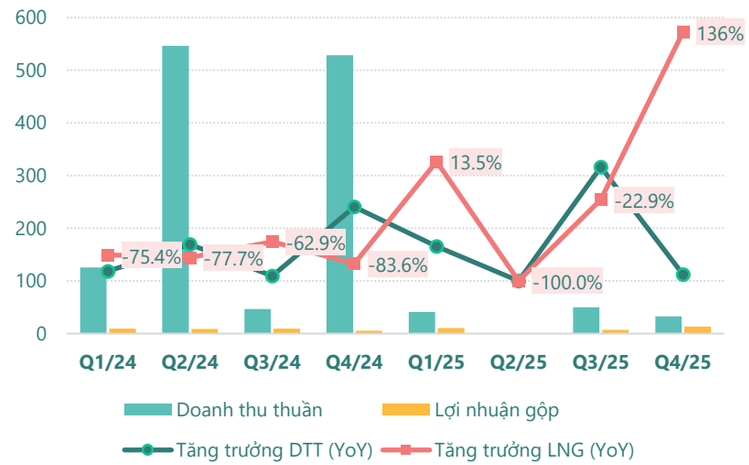


- Nguyễn Quang Hòa (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Trần Thảo Nguyên
- Nguyễn Trần Thảo Hương
- Trần Thị Hiền
- Phạm Thị Phương Vũ
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

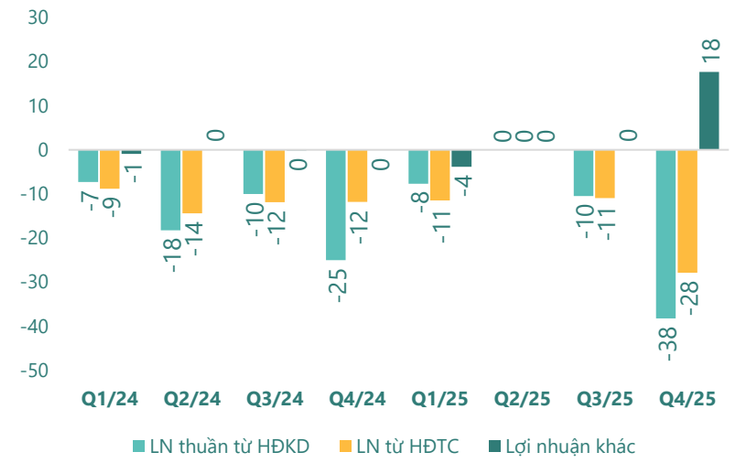
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



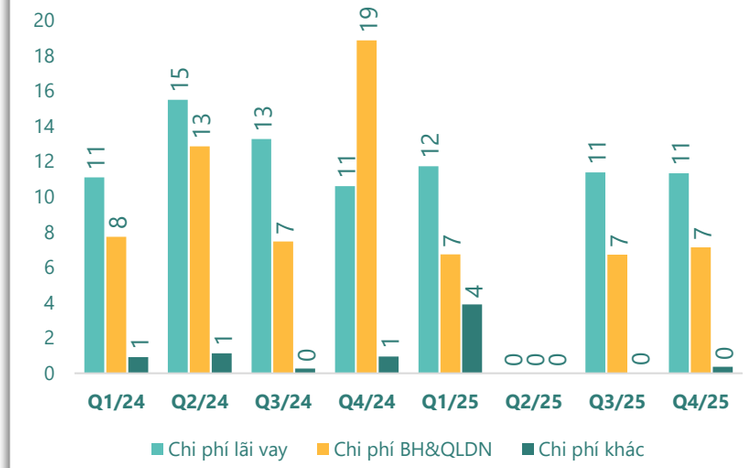
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



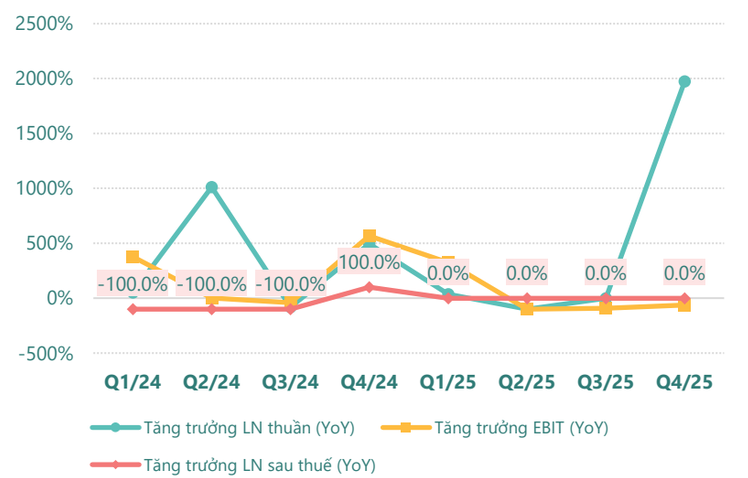
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



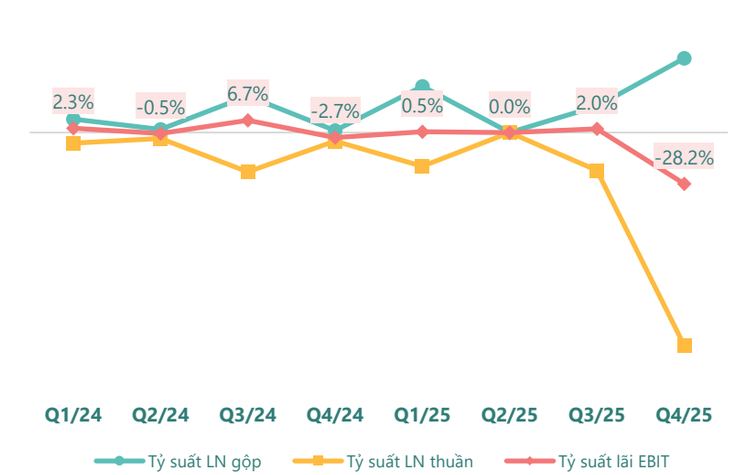
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



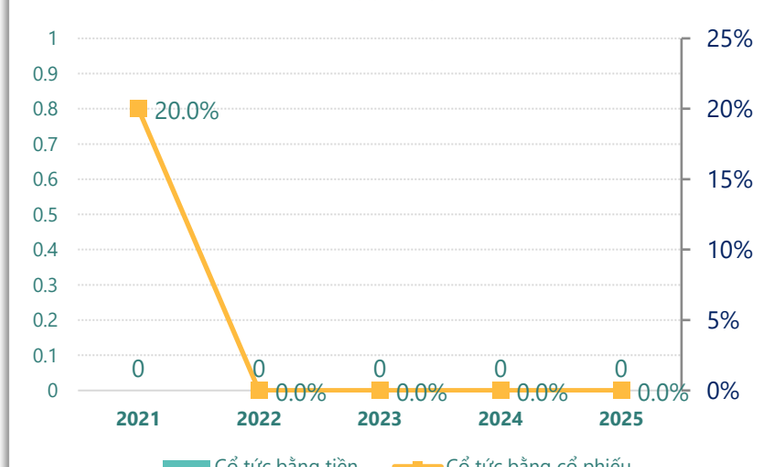
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

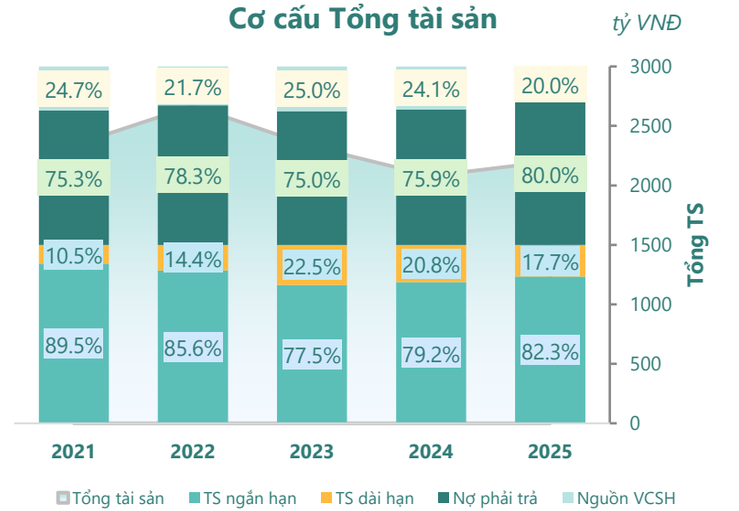
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

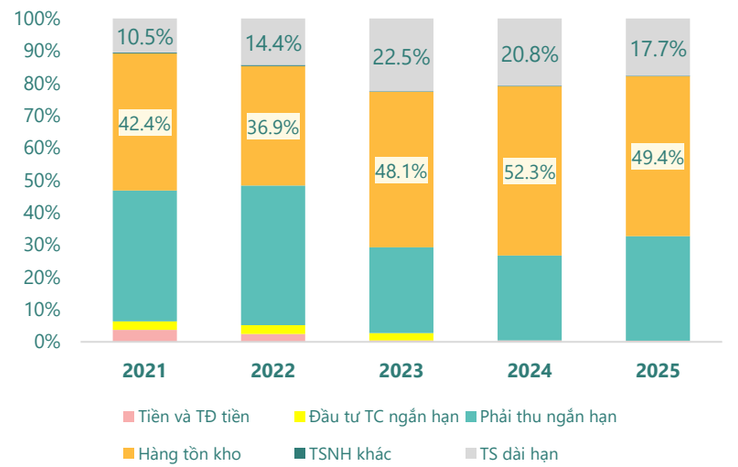
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



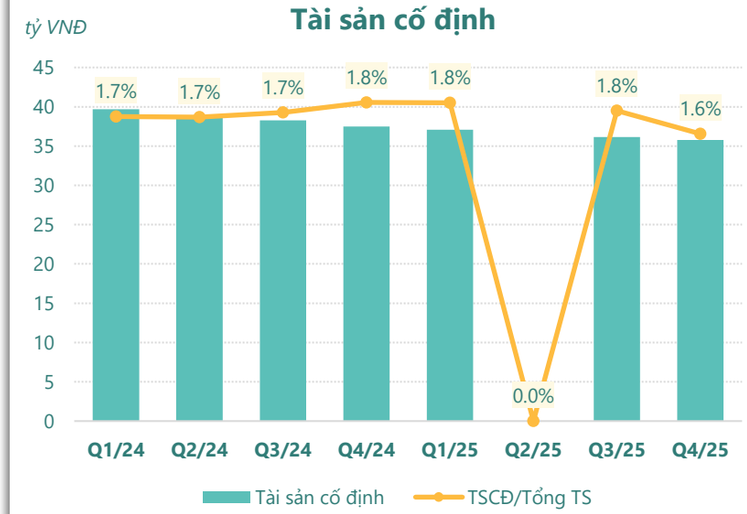
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



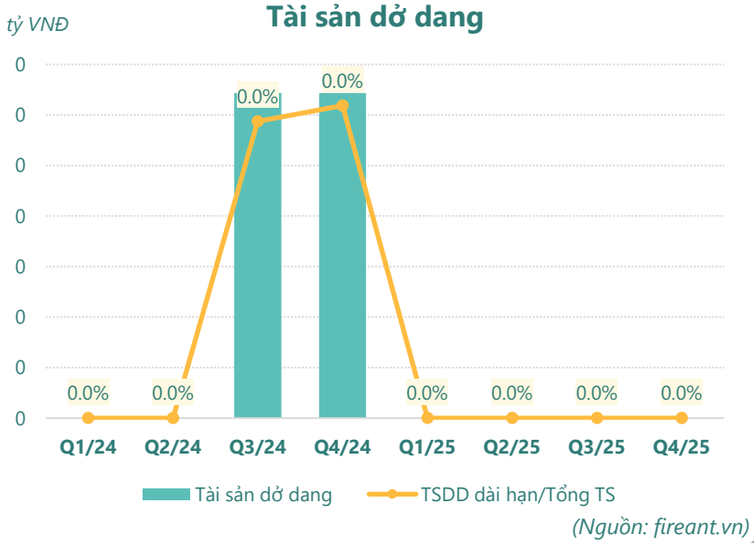
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



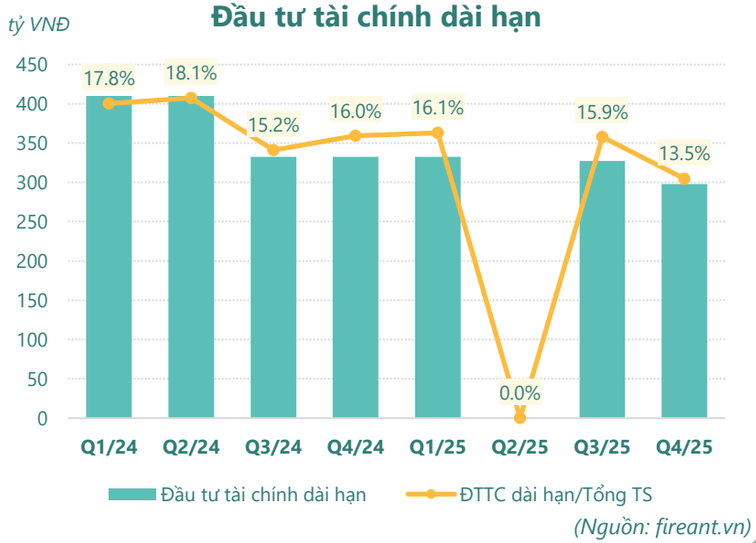
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



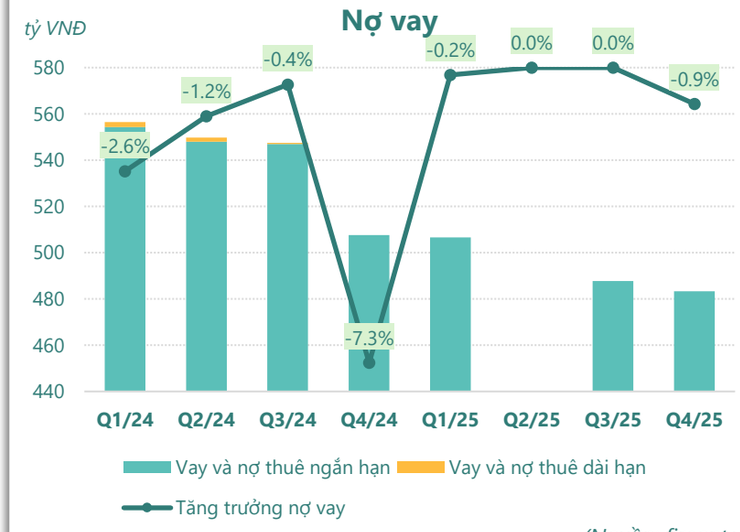
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

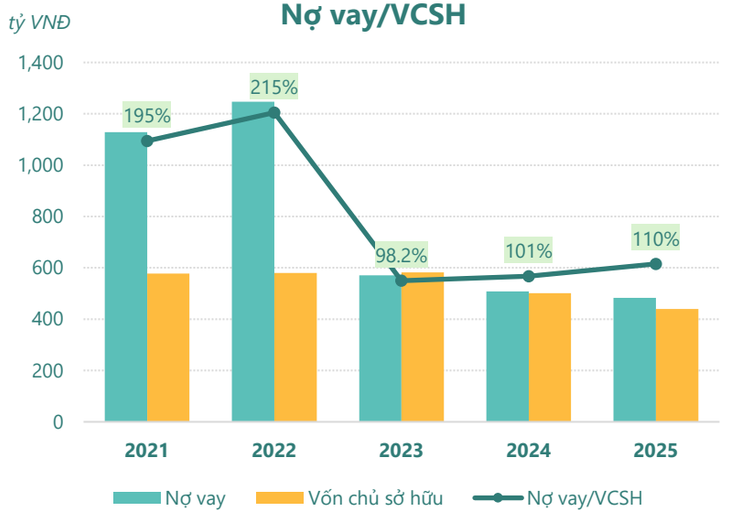
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



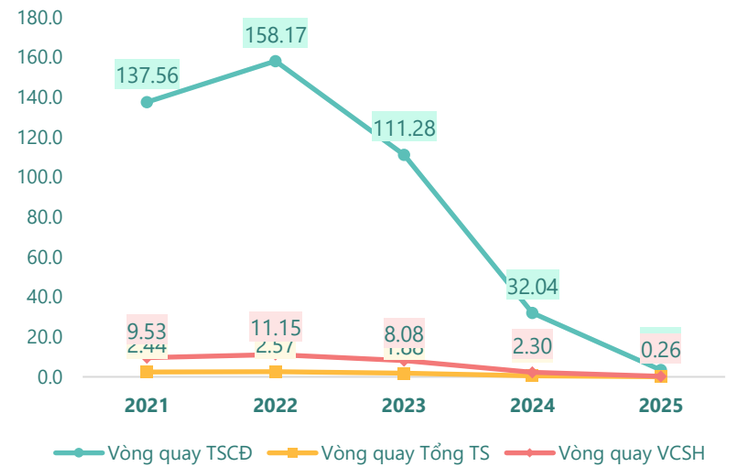
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



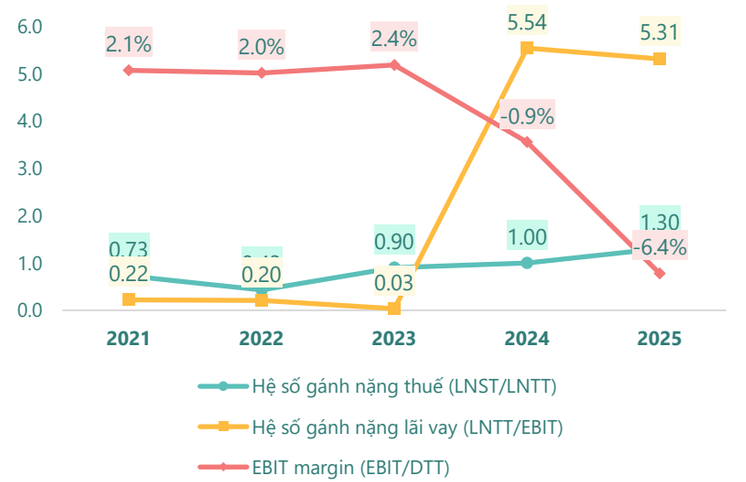
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



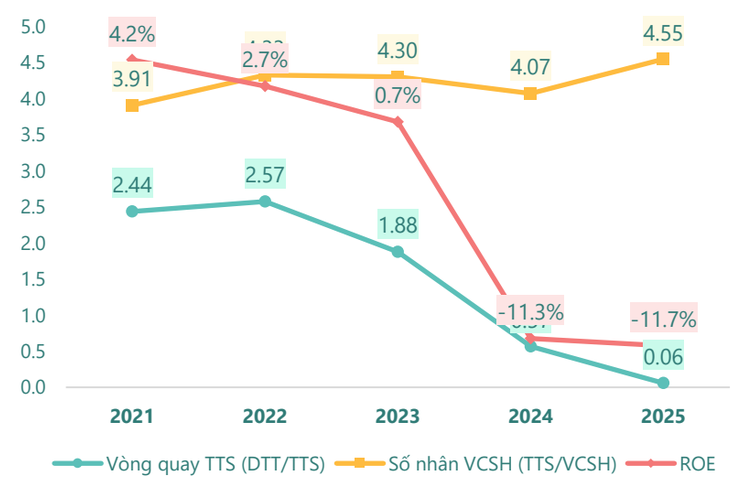
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



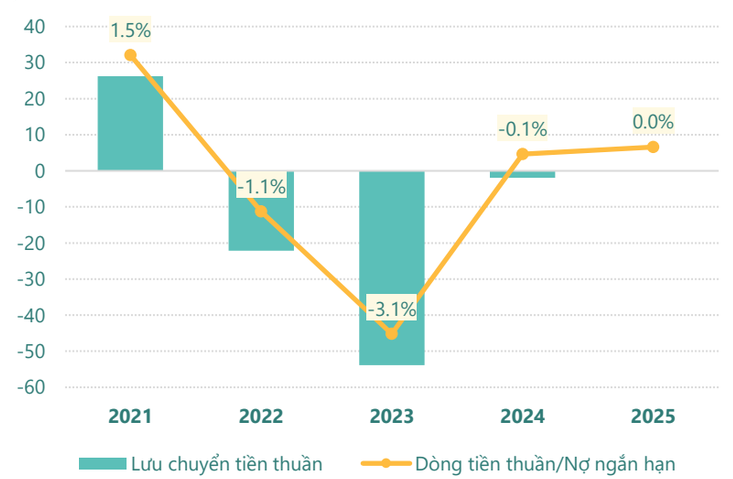
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**32.6**	**529**	**-93.8%**	**124**	**1,247**	**-90.1%**
Giá vốn hàng bán	19.2	523	-96.3%	92.9	1,214	-92.3%
Lợi nhuận gộp	13.3	5.63	136%	31.0	33.3	-6.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	-1.19	100%	0.73	3.82	-80.9%
Chi phí TC	27.9	10.6	163%	51.0	50.7	0.6%
Chi phí lãi vay	11.3	10.6	7.0%	34.5	50.5	-31.7%
LN trong công ty LKLD	**-16.5**	**0.00**		**-16.5**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.14	2.50	-14.5%	5.10	11.4	-55.4%
Chi phí QLDN	**4.99**	**16.4**	**-69.6%**	**15.5**	**35.5**	**-56.4%**
LN thuần từ HĐKD	-38.2	-25.0	-52.9%	-56.4	-60.6	6.9%
Lợi nhuận khác	**17.7**	**-0.09**	**19738%**	**13.9**	**-1.04**	**1433%**
LN trước thuế	-20.5	-25.1	18.2%	-42.5	-61.6	31.1%
Lợi nhuận sau thuế	**-20.5**	**-25.1**	**18.2%**	**-55.3**	**-61.6**	**10.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-20.5**	**-25.0**	**18.1%**	**-55.0**	**-61.1**	**10.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-55.2	16.7	-0.03	14.4	-0.95	4.82
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	61.5	21.7	0.13	5.05	0.44	0.27
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.30	-39.9	-0.93	-18.0	-0.91	-4.39
Tiền đầu kỳ	6.31	10.3	8.83	8.00	9.48	8.05
Lưu chuyển tiền thuần	**3.98**	**-1.45**	**-0.83**	**1.48**	**-1.41**	**0.70**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	10.3	8.83	8.00	9.48	8.05	8.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,200**	**2,081**	**5.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,810	1,648	9.8%
Tiền và tương đương tiền	8.76	8.83	-0.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	710	547	29.9%
Hàng tồn kho	1,087	1,088	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	4.00	3.98	0.4%
Tài sản dài hạn	**390**	**433**	**-9.9%**
Phải thu dài hạn	3.34	3.64	-8.2%
Tài sản cố định	35.8	37.5	-4.7%
Bất động sản đầu tư	52.8	57.0	-7.3%
Tài sản dở dang	0	0.13	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	298	332	-10.3%
Tài sản dài hạn khác	**0.43**	**2.55**	**-83.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,760	1,580	11.4%
Nợ ngắn hạn	**1,746**	**1,570**	**11.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	483	508	-4.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	543	685	-20.8%
Nợ dài hạn	13.9	9.88	41.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**440**	**501**	**-12.2%**
Vốn chủ sở hữu	**440**	**501**	**-12.2%**
Vốn điều lệ	496	496	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)